TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09/01/2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tuấn

Ông Lê Công Đoàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024, về việc: *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Vũ Thị Thúy N**, sinh năm 1973; có mặt;

Nơi ĐKHKTT tại: Thôn D, xã P (nay là xã P), huyện G, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay tại: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội.

- ***Bị đơn***: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1971; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn D, xã P (nay là xã P), huyện G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Vũ Thị Thúy N trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, thành phố Hà

Nội ngày 08/01/1999; đây là kết hôn lần thứ nhất của tôi và anh Q. Sau khi kết hôn, tôi và anh Q sống với nhau hòa thuận đến năm 2012 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tôi và anh Q có nhiều bất đồng quan điểm sống và xảy ra cãi vã nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế, tôi và anh Q đã sống ly thân, tôi về nhà mẹ đẻ tại: Thôn C, xã L sinh sống từ đó cho đến nay.

Chính vì những nguyên nhân trên, tôi đề nghị Tòa án xem xét sớm giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q trong thời gian sớm nhất để tôi sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa tôi và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/5/1999 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/4/2004. Nay, các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Tôi và anh Q không có tài sản chung và công nợ chung vợ chồng nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản và công nợ chung vợ chồng.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn Q* đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông Q không đến Toà và cũng không gửi ý kiến trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung, công nợ chung.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Toà án nhân dân huyện G đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên toà đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn chống đối, không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị Thúy N với anh Nguyễn Văn Q.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/5/1999 và cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/4/2004. Xét thấy các cháu đã trưởng thành, trên 18 tuổi và chị N không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án được thụ lý ngày 01/10/20224, nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị Thúy N có yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Q nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này, bị đơn là ông Nguyễn Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Thôn D, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

[3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Q đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung:

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện G, thành phố Hà Nội ngày 08/01/1999. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Mặc dù, ông Nguyễn Văn Q không đến Toà án trình bày ý kiến nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, đến năm 2012, bà N và ông Q

đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cũng như cách sống của mỗi người không hợp nhau nên bà N và ông Q đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Bà N đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội sinh sống từ năm 2012 đến nay và hai ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay, bà N xác định không còn tình cảm gì với ông Q nữa và xin ly hôn.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương thì chính quyền địa phương xác nhận bà N và ông Q đã sống ly thân được một thời gian nhưng không nắm rõ thời điểm hai ông bà sống ly thân. Hiện nay, bà N và con trai là anh Nguyễn Văn T đã về nhà mẹ đẻ ở thôn C, xã L, huyện G sinh sống.

Con trai của hai ông bà là anh Nguyễn Văn T cũng khẳng định: Nguyên nhân ly hôn là hai bố mẹ có mâu thuẫn với nhau, bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay mẹ làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn theo pháp luật.

Như vậy, bà Vũ Thị Thúy N và ông Nguyễn Văn Q không còn chung sống, không còn thương yêu, tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cuộc sống chung không thể tiếp tục. Nay, bà N xin ly hôn với ông Q là có căn cứ và phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông Q.

[5]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Q có 02 con chung là chị Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/5/1999 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/4/2004. Nay các con đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6]. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Thúy N nên bà N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Thúy N đối với ông Nguyễn Văn Q. Bà Vũ Thị Thúy N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là chị Nguyễn Phương L, sinh ngày 27/5/1999 và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/4/2004. Nay, các con đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Vũ Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004430 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị Thúy N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện G, t/p Hà Nội;
- THADS huyện G, t/p Hà Nội;
- UBND xã L, huyện G, thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng